

Số: **450**/HD-SXD

Trà Vinh, ngày **20** tháng 4 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Hồ sơ, thủ tục cấp phép xây dựng công trình dẫn dụ chim yến

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Công văn số 6910/UBND-NN ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về hồ sơ, thủ tục cấp phép xây dựng công trình dẫn dụ chim yến như sau:

1. Điều kiện cấp giấy phép xây dựng

- Vị trí xây dựng phải nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, được Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi dự kiến xây dựng công trình dẫn dụ chim yến) chấp thuận, cụ thể:

+ Khu vực các chợ, cơ quan nhà nước, cơ sở y tế, trường học, khu tưởng niệm, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, chu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm tham quan, du lịch, khu vực tập trung đông dân cư, khu tái định cư, các công trình công cộng khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.

+ Các phường và các thị trấn trên địa bàn tỉnh.

+ Đối với khu vực tập trung đông dân cư, trường hợp cần phát triển chăn nuôi trong khu vực vừa nêu thì được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

+ Khoảng cách an toàn chăn nuôi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi, cụ thể:

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 150 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 300 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét.

- Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đảm bảo phù hợp theo quy định.

- Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng

- Đối với công trình xây dựng mới: Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, cụ thể:

- + Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu (*đính kèm*).

- + Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- + Quyết định phê duyệt dự án (đối với công trình dẫn dụ chim yến không thuộc dự án đầu tư xây dựng nhóm A thì không phải thẩm định báo cáo nghiên

cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (nếu thuộc trường hợp phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy); văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; quy định về xử lý chất thải; xử lý nước thải và xử lý tiếng ồn (*đính kèm văn bản hướng dẫn số 01/HD-STNMT ngày 23/02/2022 của Sở Tài và Môi trường*)

+ 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

Các trường hợp sau được miễn giấy phép xây dựng: Công trình xây dựng cấp IV thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; công trình xây dựng cấp IV ở miền núi, hải đảo thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng; trừ công trình được xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa.

- Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa công trình: Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, cụ thể:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu (*đính kèm*).

+ Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.

+ Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

+ 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

Các trường hợp sau được miễn giấy phép xây dựng: Đối với công trình sửa chữa, cải tạo bên trong công trình hoặc công trình sửa chữa, cải tạo mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nội dung sửa chữa, cải tạo không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng đến an toàn kết cấu chịu lực của công trình, phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, yêu cầu về an toàn phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

3. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

- Đối với công trình xây dựng có quy mô cấp III sẽ do Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi dự kiến xây dựng công trình dẫn dụ chim yến) cấp giấy phép xây dựng, đối với công trình xây dựng có quy mô cấp II trở lên sẽ do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Lưu ý: Trong khu công nghiệp không được cấp phép xây dựng công trình dẫn dụ nuôi chim yến.

- Cấp công trình được xác định theo quy mô kết cấu, dựa vào các tiêu chí chiều cao, số tầng cao, tổng diện tích sàn, nhịp kết cấu lớn nhất theo quy định tại mục 2.1 Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố **không** cấp giấy phép xây dựng công trình nhà ở có kết hợp việc dẫn dụ chim yến **khi chưa có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh** được quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND tỉnh Trà Vinh.

Trên đây là nội dung về hồ sơ, thủ tục cấp phép xây dựng công trình dẫn dụ chim yến, Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được biết, thực hiện, trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị gửi văn bản phản hồi về Sở Xây dựng để được hướng dẫn theo thẩm quyền. *LM*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: NN&PTNN, TN&MT (đ/b);
- UBND các huyện, TX, TP;
- BGĐ Sở (b/c);
- Thanh tra Sở (t/h);
- Website Sở;
- Lưu: VT, QLXD.



GIÁM ĐỐC

Lê Minh Loan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho trường hợp xây dựng mới công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Đại chỉ liên hệ: Số nhà:.....đường/phố.....phường/xã.....quận/huyện.
.....tỉnh/thành phố:.....
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:Lô đất số:Diện tích m².
Tại số nhà:.....đường/phố.....phường/xã.....quận/huyện.....
.....tỉnh/thành phố:.....

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình:Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m² (*ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum*).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng:(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Tổng chiều dài công trình:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)

- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng:m².

- Cốt xây dựng:m.

- Chiều cao công trình:m.

4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số:ngày ...

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình:Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².

- Tổng diện tích sàn:m².

- Chiều cao công trình:m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:Diện tích..... m².

Tại: đường:phường (xã) quận (huyện)tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho trường hợp cải tạo, sửa chữa công trình)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà:đường (phố)..... phường (xã)

quận (huyện) tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:Diện tích..... m².

Tại: đường:phường xã)

quận (huyện) tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6910**/UBND-NN

Trà Vinh, ngày **30** tháng 12 năm 2021

V/v thực hiện Nghị quyết
số 19/2021/NQ-HĐND ngày
09/12/2021 của HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND*); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND, như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND để các tổ chức, cá nhân hiểu rõ về quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quy định pháp luật trong các hoạt động chăn nuôi và nuôi chim yến theo quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là công tác vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh động vật, môi trường chăn nuôi, vi phạm chăn nuôi ở khu vực không được phép chăn nuôi, săn bắt, dẫn dụ chim yến để sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích nuôi chim yến để khai thác tổ yến hoặc nghiên cứu khoa học, sử dụng thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến vượt mức tiếng ồn tối đa cho phép theo quy định,...

b) Hướng dẫn khoảng cách an toàn trong chăn nuôi áp dụng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi (*sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT*)

c) Hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi xây dựng chuồng nuôi đảm bảo điều kiện chăn nuôi theo quy định tại Điều 56 của Luật Chăn nuôi; hoặc khu vực không phù hợp theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

d) Tiếp nhận phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND và tổng hợp, tham

muu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những trường hợp vượt thẩm quyền xử lý của ngành.

d) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND.

2. Sở Xây dựng

Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục cấp phép xây dựng cơ sở dẫn dụ chim yến. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tăng cường quản lý, theo dõi, kiểm tra và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm về xây dựng cơ sở dẫn dụ chim yến.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải phát sinh trong hoạt động của các cơ sở dẫn dụ chim yến.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tăng cường quản lý, theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn xử lý các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường, đất đai đối với các cơ sở dẫn dụ chim yến theo quy định.

4. Sở Tài chính

a) Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, địa phương, Sở Tài chính thực hiện thẩm định và trình cấp thẩm quyền bố trí và phân bổ kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan.

b) Thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND: Các đơn vị, địa phương tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm và các văn bản có liên quan.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh

Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các chủ trương đầu tư liên quan đến hoạt động chăn nuôi và hoạt động nuôi chim yến.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo, đài tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức, nhất là qua hệ thống đài truyền thanh cơ sở, để kịp thời phổ biến, tuyên truyền về Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND trên địa bàn.

b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân về trình tự đăng ký, hồ sơ để tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

c) Thực hiện hỗ trợ tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND.

d) Theo thẩm quyền thường xuyên kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định pháp luật trong hoạt động chăn nuôi, nuôi chim yến trái với Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Chậm nhất tháng ngày 01/11 hàng năm, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 11/11.

b) Thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được nêu tại Công văn này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra trường hợp chủ quan, lơ là trong việc chậm triển khai hoặc triển khai không hiệu quả Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Báo TV, Đài PT&TH TV;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NN.

02

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2021/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi,
vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở
chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 3

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của
Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều
của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;
Xét Tờ trình số 6135/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép
chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên
địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động chăn nuôi, nuôi chim yến; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực các chợ, cơ quan nhà nước, cơ sở y tế, trường học, khu tưởng niệm, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm tham quan, du lịch, khu vực tập trung đông dân cư, khu tái định cư, các công trình công cộng khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.

2. Các phường và các thị trấn trên địa bàn tỉnh.

3. Khoảng cách an toàn trong chăn nuôi áp dụng theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

4. Đối với khu vực tập trung đông dân cư; trường hợp cần phát triển chăn nuôi trong khu vực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cụ thể.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến

Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần chi phí tính theo quy mô chăn nuôi cho tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Quy mô chăn nuôi được quy định tại khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

b) Mức hỗ trợ

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 7.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.
- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: 5.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.
- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: 3.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.
- Chăn nuôi nông hộ: 2.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Chăn nuôi gia súc, gia cầm thuộc giống vật nuôi được phép chăn nuôi.

b) Phải kê khai với Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi xây dựng cơ sở chăn nuôi di dời đến theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi trước khi làm thủ tục hỗ trợ.

c) Chuồng nuôi phải di dời được xây dựng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trong khu vực không được phép chăn nuôi được quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này; hoặc khu vực không đảm bảo điều kiện chăn nuôi theo quy định tại Điều 56 của Luật Chăn nuôi; hoặc khu vực không phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

d) Đối với chăn nuôi nông hộ: Chỉ được hỗ trợ khi thu nhập từ chăn nuôi là nguồn thu nhập chính của nông hộ.

Điều 5. Phương thức và nguồn kinh phí thực hiện

1. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.
2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thuộc khu vực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp.

2. Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không thuộc khu vực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 phải hoàn thiện điều kiện chăn nuôi đáp ứng quy định.

3. Nhà yến đã hoạt động trong vùng không được phép nuôi trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Những hành vi vi phạm quy định trong hoạt động chăn nuôi và nuôi chim yến được xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, khóa X - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: NN và PTNT, TP, TC, TN-MT
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, TC, NN và PTNT, TN-MT, Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT - TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Điểm a Mục 3 của Công văn số 6910/UBND-NN ngày 30/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 6910/UBND-NN ngày 30/12/2021 về việc thực hiện Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Hướng dẫn thực hiện Điểm a Mục 3 của Công văn số 6910/UBND-NN về thực hiện các quy định về công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải phát sinh trong hoạt động của các cơ sở nuôi chim yến (sau đây viết tắt là nhà yến) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh như sau:

1. Thủ tục môi trường:

- Căn cứ Phụ lục II, III, IV, V của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 loại hình nuôi chim yến không thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm I, II, III. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 30 và Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì loại hình dự án nuôi chim yến **không** thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và **không** thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án nuôi chim yến **phải** đăng ký môi trường;

+ Hồ sơ, thủ tục đăng ký môi trường được thực hiện theo Điều 22, Điều 23 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Biểu mẫu đăng ký môi trường theo Mẫu số 47, Phụ lục II, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Trường hợp dự án đầu tư khi đi vào vận hành không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương; hoặc phát sinh nước thải dưới 05 m³/ngày, khí thải dưới 50 m³/giờ được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương thì được miễn đăng ký môi trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Tuy nhiên, các nhà yếm bắt buộc phải có hệ thống, biện pháp xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường:

2. Xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn được thu gom, xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: phương pháp ủ compost (ủ phân hữu cơ), công trình khí sinh học (biogas), chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học hoặc các biện pháp khác trước khi được sử dụng tại nhà yếm hoặc chuyển ra khỏi khu vực nhà yếm.

- Chất thải rắn được đem đi xử lý bên ngoài nhà yếm phải đảm bảo các quy định về vận chuyển chất thải, không để rơi vãi, phát tán ra môi trường xung quanh.

- Xác chết vật nuôi, vật nuôi mắc bệnh, nghi mắc bệnh thuộc danh mục các bệnh phải công bố dịch được xử lý theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh nhà yếm, vỏ chai lọ hoá chất khử trùng,... được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xử lý nước thải

- Nước thải phải được dẫn trực tiếp từ nhà yếm đến khu xử lý bằng hệ thống riêng và tách biệt với nước mưa.

- Tùy theo lưu lượng nước thải phát sinh tại nhà yếm, nước thải phải được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: công trình bể lắng, bể lọc, ao sinh học, chế phẩm sinh học hoặc các phương pháp khác đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối hoặc không chảy tràn ra môi trường xung quanh.

- Nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nước thải phải đáp ứng được các thông số ô nhiễm trong nước thải quy định tại QCVN 62-MT: 2016/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

4. Xử lý tiếng ồn:

- Nhà yến phải có tường bao, khu vực xung quanh nhà yến khuyến cáo trồng cây xanh nhằm giảm thiểu và xử lý tiếng ồn không gây ảnh hưởng tới cộng đồng dân cư xung quanh, đảm bảo theo quy định tại QCVN 26: 2010/BTNMT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Quy định sử dụng loa phóng phát âm thanh: thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Cụ thể: Thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến có cường độ âm thanh đo tại miệng loa **không vượt quá 70 dBA**; thời gian phát loa phóng để dẫn dụ chim yến **từ 5 giờ đến 11 giờ 30 và từ 13 giờ 30 đến 19 giờ mỗi ngày**, trừ trường hợp sau: Trường hợp nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành (**trước ngày 19/12/2021**) thuộc khu vực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND (Vùng không được phép nuôi); Nhà yến nằm trong khu dân cư; Nhà yến cách khu dân cư dưới 300m **thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.**”

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện Điểm a Mục 3 của Công văn số 6910/UBND-NN về thực hiện các quy định về công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải phát sinh trong hoạt động của các cơ sở nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Phòng TNMT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Tuấn